TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2025
V/v "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân C.

2. Ông Hồ Thế V.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trà Thị Mỹ N – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Th – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1997; số CCCD: 046197012888; địa chỉ: B Tổ E, TDP T, phường M, thành phố H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1999 – Luật sư Văn phòng L; địa chỉ: 3 H, phường A, thành phố H; có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1995; số CMND: 046096014437; địa chỉ: H Kiệt A, thôn T, phường T, thành phố H; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2025, bản tự khai ngày 14/10/2025, bản tự khai bổ sung ngày 14/10/2025 của chị Nguyễn Thị Thu C và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đã xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Võ Văn T quen biết và tìm hiểu nhau trong một thời gian, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H) vào ngày 27/4/2018 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 9 năm 2023 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Ngoài ra, anh Võ Văn T có hành vi sử dụng chất ma túy trong thời gian dài đến mức phải điều trị tại Bệnh viện T1 do có biểu hiện rối loạn tâm lý, hành vi không kiểm soát và thường xuyên gây gỗ với hàng xóm và gia đình. Việc anh T nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và kinh tế của gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình không còn là tổ ấm như kỳ vọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu C xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/02/2018 và cháu Võ Trung H, sinh ngày 09/02/2020. Hiện cả 02 người con chung đều đang được chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng giao 02 người con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Đồng thời, anh Võ Văn T đã có Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 18 tháng, anh T không có thu nhập ổn định, sức khỏe không tốt nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị C không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Võ Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận thời điểm, nơi đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu C, anh T đồng ý. Về con chung: Anh T thống nhất giao 02 con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/02/2018 và cháu Võ Trung H, sinh ngày 09/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; hiện nay cả hai cháu đều đang sinh sống cùng chị C. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T trình bày có nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên do hiện nay anh chưa có công việc và thu nhập ổn định nên chưa thực hiện được; sau này khi có điều kiện, anh sẽ tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ngày 20/11/2025, bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2025, chính quyền địa phương cung cấp thông tin anh T đăng ký thường trú tại số H kiệt A, tổ dân phố T, phường T, thành phố H. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Thu C và anh Võ Văn T có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H) vào ngày 27/4/2018. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân; về con chung có 02 người con như chị C trình bày. Về tài sản chung và nợ chung, địa phương không nắm rõ. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H đã cử cán bộ phối hợp với Tòa án để tiến hành lấy lời khai, xác minh mâu thuẫn trong hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Đ, sinh năm 1973 – mẹ ruột anh T, hiện cư trú cùng địa chỉ với bị đơn. Bà Đ khai: Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, phường T, thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng gia đình không nắm rõ cụ thể tuy nhiên bà Đ cung cấp thông tin anh T nghiện ma túy, không chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình. Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung như nguyên đơn trình bày. Về tài sản chung và nợ chung giữa vợ chồng không có. Đối với việc chị C khởi kiện xin ly hôn anh Võ Văn T thì gia đình cũng đồng ý, cho rằng quyền ly hôn là của các con và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Thu C và bị đơn anh Võ Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vợ chồng đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu C, cho chị C được ly hôn với anh Võ Văn T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/02/2018 và cháu Võ Trung H, sinh ngày 09/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn và bị đơn xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu C, xử cho chị Nguyễn Thị Thu C được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Giao cháu 02 con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/02/2018 và cháu Võ Trung H, sinh ngày 09/02/2020 cho chị

Nguyễn Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N; anh Võ Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu C, anh Võ Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn T đang cư trú tại địa chỉ: Số H kiệt A, tổ dân phố T, phường T, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Huế. Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Võ Văn T chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu C, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của chị C, anh T; lời khai của người thân trong gia đình và xác minh tại chính quyền địa phương, có đủ cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh Võ Văn T không chí thú làm ăn, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, người cha trong gia đình.

Ngoài ra, anh Võ Văn T còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian dài, đã từng phải điều trị tại Bệnh viện T1 và đã bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Việc anh T nghiện ma túy, sức khỏe không ổn định, hành vi thiếu kiểm soát đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tinh thần, kinh tế của gia đình và là nguyên nhân trực tiếp làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 9 năm 2023 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn T cũng đồng ý ly hôn với chị C và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu C và anh Võ Văn T đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu C và anh Võ Văn T có 02 con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/02/2018 và cháu Võ Trung H, sinh ngày 09/02/2020. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu đều đang do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị C có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Trong khi đó, anh Võ Văn T không có việc làm và thu nhập ổn định, sức khỏe không bảo đảm, đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bản thân anh T cũng đồng ý giao cả hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt của con chưa thành niên, tránh xáo trộn về môi trường sống và tâm sinh lý của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao 02 con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N và cháu Võ Trung H cho chị Nguyễn Thị Thu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; việc giao con cho chị C cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh N và phù hợp với quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù anh Võ Văn T trình bày có nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nhưng hiện nay chưa có điều kiện thực hiện. Trường hợp sau này có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì quyền lợi của con thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu C, anh Võ Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu C, xử cho chị Nguyễn Thị Thu C được ly hôn với anh Võ Văn T. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao 02 con chung là cháu Võ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/02/2018 và cháu Võ Trung H, sinh ngày 09/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Nguyễn Khánh N; anh Võ Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu C, anh Võ Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000365 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H; chị C đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND khu vực 1 - H;
- THADS thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 1 - Huế;
- UBND phường Th, TP ;
(ĐKKH số: 43, ngày 27/4/2018);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.